

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

KHẢO CỔ HỌC VIỆT NAM

(Giáo trình dùng cho hệ đại học từ xa)

TRẦN VĂN BẢO

2002

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG I: THỜI ĐẠI KIM KHÍ Ở TRUNG VÀ NAM TRUNG BỘ	4
I. LỊCH SỬ PHÁT HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU	4
1. Giai đoạn trước 1975	4
2. Giai đoạn sau 1975	5
II. CÁC DI TÍCH TIỀN SA HUỖNH	6
1. Giai đoạn Xóm Cồn	6
2. Giai đoạn Long Thành	9
3. Giai đoạn Bình Châu	14
4. Các di tích Sa Huỳnh	15
CHƯƠNG II: THỜI ĐẠI KIM KHÍ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ	21
I. LỊCH SỬ PHÁT HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU	21
II. DI TÍCH VÀ DI VẬT	22
1. Đặc điểm phân bố và cấu trúc di tích	22
2. Đặc trưng di vật	23
III. NIÊN ĐẠI VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ	28
IV. ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN	30
CHƯƠNG III: VÀI NÉT ĐẶC TRƯNG HẬU KỲ ĐÁ MỚI – SƠ KỲ KIM KHÍ	
NAM TÂY NGUYÊN	32
I. ĐẶC TRƯNG DI TÍCH	32
1. Đặc trưng phân bố di tích	32
2. Đặc trưng mộ táng	36
II. ĐẶC TRƯNG DI VẬT	37
1. Giới thiệu khái quát các sưu tập khai quật	37
2. Các sưu tập khác ở Nam Tây Nguyên	41
PHỤ LỤC: HẬU KỲ ĐỒNG THAU VÀ SƠ KỲ SẮT Ở MIỀN BẮC VÀ BẮC	
TRUNG BỘ - VĂN HÓA ĐÔNG SƠN	45
I. ĐỊA VỰC PHÂN BỐ	45
II. ĐẶC ĐIỂM VÀ LOẠI HÌNH DI TÍCH VĂN HOÁ ĐÔNG SƠN	45
III. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA VĂN HOÁ ĐÔNG SƠN	47
IV. CÁC LOẠI HÌNH ĐỊA PHƯƠNG	49
V. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN	50
VI. NIÊN ĐẠI	51

MỞ ĐẦU

Môn Khảo cổ học được giảng cho sinh viên Khoa Lịch sử, Đại học Đà Lạt là môn học bắt buộc. Nội dung môn học này được chia thành hai phần.

Phần thứ nhất: Cơ sở Khảo cổ học

Bao gồm 3 chương

Chương một. Dẫn luận

Chương hai. Phương pháp nghiên cứu khảo cổ

Chương 3. Các thời đại khảo cổ

Phần này giảng cho sinh viên năm thứ nhất, nhằm cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của khảo cổ học, phương pháp điều tra và khai quật khảo cổ. Nội dung chính của phần này là giới thiệu nhận thức của giới Khảo cổ học Việt nam hiện đại về thời kỳ tiền sử ở khu vực miền Bắc và Bắc Trung bộ, từ sơ kỳ đá cũ đến thời đại kim khí.

Phần thứ hai: Khảo cổ học Việt Nam

Phần này cũng chia thành 3 chương

Chương một. Thời đại kim khí ở Nam Trung bộ

Chương hai. Thời đại kim khí ở Đông Nam bộ

Chương ba. Vài nét đặc trưng hậu kỳ đá mới-sơ kỳ kim khí Nam Tây nguyên.

Ngoài ra còn có phần phụ lục về văn hóa Đông Sơn

CHƯƠNG I: THỜI ĐẠI KIM KHÍ Ở TRUNG VÀ NAM TRUNG BỘ

I. LỊCH SỬ PHÁT HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU

1. Giai đoạn trước 1975

Trong Niên giám 1909 của tập san Trường Viễn Đông Bác cổ, chúng ta nhận được những thông tin đầu tiên nói về phát hiện “một kho chum khoảng 200 chiếc nằm cách mặt đất không sâu, trong một cồn cát ven biển vùng Sa Huỳnh ..”. Tác giả bản báo cáo này là Vinet đã dùng thuật ngữ “kho” để diễn tả nhóm di tích này. Năm 1923, được sự bảo trợ của Trường Viễn Đông Bác cổ, Labarre đã tiến hành các cuộc đào bới ở vùng Sa Huỳnh, nhằm tìm kiếm hiện vật trong các kho chum. Tài liệu mà Labarre tìm được còn lưu giữ ở Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, sau này được Parmentier giới thiệu trong một bài báo ngắn.

Năm 1934, Colani được Trường Viễn Đông Bác cổ phái tới Sa Huỳnh. Tại địa điểm Thanh Đức, Colani tìm thấy 55 chum gốm và ở Phú Khương 187 chum. Colani còn phát hiện thêm ba khu mộ chum ở Tân Long mà qua phúc tra, chúng ta biết rằng đó là các địa điểm Đồng Cườm và Bà Ná. Đồng thời Colani được nhân dân cho biết thêm hai địa điểm nữa ở Đông Phù và Phú Nhuận. Năm 1935, Colani tới Quảng Bình và phát hiện hai khu mộ chum nữa ở Cương Hà và Cổ Giang.

Năm 1939, nhà khảo cổ học Thụy Điển O.Jansé lại khai quật khu vực Sa Huỳnh và phát hiện được 84 mộ chum ở Phú Khương. Hiện vật của đợt khai quật này bị lấy mang đi và báo cáo khoa học thì không được công bố. Về hoạt động của O.Janse ở Sa Huỳnh chúng ta chỉ nhận thức được qua vài báo ngắn.

Năm 1951, Malleret đã đến khảo sát và đào thám sát Sa Huỳnh nhưng không thu được kết quả gì mới. Năm 1959, ông cho công bố bài viết “Một vài đồ gốm Sa Huỳnh trong mối tương quan với các di chỉ khác ở Đông Nam Á”.

Trong các thập kỷ 60 và đầu 70 những đóng góp của Saurin và Fontaine đã nhận thức về văn hoá Sa Huỳnh lên một bước mới. Năm 1966, Saurin công bố về phát hiện địa điểm Dầu Giây (Đồng Nai). Năm 1973, ông công bố tiếp phát hiện địa điểm Hàng Gòn (Đồng Nai). Hai địa điểm mới này là những khu mộ chum đã bị đào phá để xây dựng. Năm 1972, Fontaine công bố phát hiện một cánh đồng chum mới ở Phú Hoà cũng thuộc tỉnh Đồng Nai. Năm 1973, Fontaine và Hoàng Thị Thân công bố tiếp một ghi chú mới về khu mộ Phú Hoà.

Những phát hiện mới ở lưu vực sông Đồng Nai đã mở rộng địa bàn phân bố văn hóa Sa Huỳnh về phía nam và cung cấp những niên đại C14 đầu tiên cho nhóm di tích mộ chum thuộc văn hoá Sa Huỳnh ở Đồng Nai.

Đáng lưu ý là trong giai đoạn nghiên cứu này, người có nhiều công lao nghiên cứu và đặt văn hoá Sa Huỳnh trong bối cảnh Đông Nam Á là học giả Mỹ W.C.Solheim II. Tại Philippines, Solheim đã nghiên cứu gốm các địa điểm ở Kalanay trong sự so sánh với gốm Sa Huỳnh và nêu lên một “phức hệ gốm Sa Huỳnh - Kalanay”. Sau này, ông đưa ra cái gọi là “truyền thống gốm Sa Huỳnh - Kalanay” ở Đông Nam Á. Nếu “phức hệ gốm Sa Huỳnh - Kalanay” được Solheim chấp nhận niên đại khoảng nửa cuối thiên niên kỷ I trước Công nguyên, thì “truyền thống gốm Sa Huỳnh - Kalanay” được ông mở rộng khung niên đại đến thiên niên kỷ II trước Công nguyên. Trong nhiều bài viết của mình, Solheim đã nêu lên những đồ gốm thuộc truyền thống Sa Huỳnh - Kalanay có mặt tại Việt Nam và Philippines như ở Thái Lan, Malaixia, Indonexia...và gắn chủ nhân của truyền thống gốm này với cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo (Malays - Polynesian). Đi xa hơn, ông còn xác định quê hương đầu tiên của chủ nhân gốm Sa Huỳnh - Kalanay là ở vùng Đông Bắc Indonexia và Nam Philippines. Tuy nhiên, nhiều giả thuyết của ông không phải đã được mọi nhà khảo cổ học nghiên cứu về Đông Nam Á đồng tình.

Tóm lại, thời kỳ nghiên cứu của các học giả nước ngoài về văn hoá Sa Huỳnh ở Việt Nam từ 1909 đến 1975 đã có một số đóng góp nhất định trong nhận thức chung về văn hoá này. Trong quá trình 65 năm tìm kiếm, các học giả nước ngoài đã phát hiện được gần 20 địa điểm mộ táng, với số lượng vò táng khoảng gần 1000 chiếc. Đồ tuỳ táng thu được không nhiều, bao gồm các chủng loại đá, đồng, sắt, thuỷ tinh và đồ gốm. Đáng chú ý là so với các chủng loại hiện vật văn hoá Đông Sơn thì đồ sắt đã chiếm số lượng đáng kể. Mới tính trong ba khu mộ Hàng Gòn, Phú Hoà, Sa Huỳnh, số lượng đồ sắt đã lên đến 250 hiện vật bao gồm công cụ sản xuất, vũ khí và đồ trang sức. Trái lại, đồ đồng thau trong văn hoá Sa Huỳnh tìm được rất ít, trên dưới 50 hiện vật và chủ yếu là đồ trang sức. Đồ đá và thuỷ tinh khá phong phú về số lượng và loại hình, gồm công cụ sản xuất như rìu, cuốc và đồ trang sức như hạt chuỗi, khuyên tai...Đồ gốm Sa Huỳnh rất phong phú về số lượng và loại hình, bao gồm nồi, đĩa, bát chân cao, bình có núm, bình lọ hoa, đèn gốm, gốm minh khí...Vò táng có loại hình trứng, hình cầu nhưng chủ yếu là loại hình trụ. Nắp đáy vò táng có hình bát bồng, hình trụ và hình nón cụt.

2. Giai đoạn sau 1975

Năm 1976 và 1977, có hai đợt điều tra và thám sát tại khu vực Sa Huỳnh do Viện Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh và Viện Khảo cổ học tổ chức. Đáng chú ý là những đợt nghiên cứu khu vực Sa Huỳnh lần sau đã phát hiện được một khu cư trú với tầng văn hoá có độ dày trên 2m.

Cũng trong năm 1977, Viện Bảo tàng Lịch sử phối hợp với Sở Văn hoá - Thông tin Nghĩa Bình (cũ) khai quật 250m² tại một địa điểm cũng trên gò cát có tên gò Ma Vương ở thôn Long Thạnh II. Hai hố khai quật được tiến hành ở hai địa điểm cách nhau 200m. Đợt khai quật này cũng phát hiện được một khu cư trú có tầng văn hoá dày 1,8m với hai lớp văn hoá ngăn cách nhau bởi một lớp cát trắng dày 0,2m. Trong lớp đất cư trú đã phát hiện dấu vết còn lại của các mộ chum mà trước đây đã bị đào phá và 3 mộ chum còn khá nguyên vẹn.

Tóm lại trong vòng 20 năm nghiên cứu của giai đoạn sau năm 1975, chúng ta đã phát hiện và nghiên cứu một loạt di tích mới, phân bố trên hầu hết các tỉnh ven biển miền Trung từ Quảng Trị đến Bình Thuận và cả ở một số tỉnh miền núi như Gia Lai - Kontum hay các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước...cung cấp nhiều tư liệu mới, phong phú đa dạng. Đặc biệt phải nhấn mạnh đến việc tìm ra vết tích cư trú của văn hoá Sa Huỳnh mà trong giai đoạn nghiên cứu trước các học giả nước ngoài không phát hiện ra như ở khu vực Sa Huỳnh hay chưa khẳng định được như ở Hàng Gòn, Dầu Giây...

Điều cần nhấn mạnh nữa là trong khi nghiên cứu văn hoá Sa Huỳnh giai đoạn này, chúng ta đã tìm ra một loạt các di tích Tiền Sa Huỳnh có niên đại sớm thuộc thời đại đồng thau, có mối liên hệ nguồn gốc và phát triển nối tiếp với các di tích Sa Huỳnh cổ điển - Sa Huỳnh thuộc thời đại sắt sớm.

II. CÁC DI TÍCH TIỀN SA HUỲNH

1. Giai đoạn Xóm Cồn

1.1. Địa vực phân bố

Khác với giai đoạn Long Thạnh hay Bình Châu, giai đoạn Xóm Cồn đã được xác lập thành một văn hoá khảo cổ riêng biệt. Cho đến nay đã phát hiện được 8 địa điểm thuộc văn hoá Xóm Cồn. Các di tích này phân bố ở đồng bằng ven biển và các đảo ven bờ hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà. Đây là những đồng bằng nhỏ hẹp, không tách biệt với vùng núi về mặt nguồn gốc phát sinh. Trên đồng bằng người ta còn thấy có những cồn cát trắng bọc những đầm phá lớn, đường bờ biển lô nhô dạng răng cưa, xen kẽ là những vùng vịnh tự nhiên khá kín, che chắn cho các bãi biển trong vùng. Cư dân văn hoá Xóm Cồn đã tụ cư ở những cồn cát trên dải đồng bằng ven biển ấy, hoặc trên các hòn đảo không xa bờ.

Trong số 8 địa điểm văn hoá Xóm Cồn, về mặt tự nhiên có thể nhận rõ 2 loại địa hình cư trú: trong đất liền (Xóm Cồn, Gò Ốc, Giồng Đôn) và các đảo gần bờ (Bình Hưng, Bình Ba, Bích Đầm, Bãi Trũ và Đầm Già). Dù cư trú ở đất liền hay trên đảo, người cổ Xóm Cồn đều tụ cư trên các cồn cát, một mặt liền kề với biển,

một mặt liền kề với những vạt rừng chân núi. Biển – núi là nguồn cung cấp thực phẩm chính cho cư dân cổ ở đây.

1.2. Đặc trưng văn hoá

Đồ đá văn hóa Xóm Cồn là một trong những tiêu chí quan trọng để nhận diện văn hóa, qua 2 nhóm di vật.

Nhóm công cụ sản xuất bao gồm các loại: 23 công cụ ghè đẽo và mảnh tước; 81 rìu, bôn, đục mài toàn thân; 108 công cụ không gia công như chày, hòn ghè, hòn kê, bàn mài.

Nhóm đồ trang sức có 8 tiêu bản gồm vòng tay và hạt chuỗi. Nhìn chung, đồ đá được làm từ đá trầm tích biến chất hoặc đá cuội khai thác tại chỗ. Ghè đẽo và mài là hai thủ pháp kỹ thuật được dụng trong chế tác công cụ như rìu, bôn, đục. Kỹ thuật khoan cửa, đánh bóng được dùng chế tác đồ trang sức. Đặc trưng nổi bật trong di vật đá là sự độc tôn loại rìu, bôn, đục không có vai, phổ biến loại rìu bôn hình thang đốc thuôn nhỏ, mặt cắt ngang hình chữ nhật hoặc thấu kính. Ở đây cũng có mặt công cụ ghè đẽo kiểu Hoà Bình và đồ trang sức nhưng rất hiếm.

Đồ xương và nhuyễn thể trong văn hoá Xóm Cồn có số lượng đáng kể và khá đa dạng về loại hình. Đây là nhóm di vật tạo nên đặc trưng rõ nét của văn hoá này. Theo thống kê năm 1996, trong 8 địa điểm của văn hoá Xóm Cồn đã phát hiện được 84 công cụ lao động với một vài mũi dùi, mũi lao làm bằng xương hoặc sừng, còn tuyệt đại đa số làm bằng vỏ nhuyễn thể bao gồm các loại hình như công cụ ghè đẽo, công cụ nạo và hòn ghè. Bên cạnh đó còn có 18 mảnh vòng trang sức bằng vỏ ốc tai tượng và một số lõi vòng cũng bằng vỏ ốc. Những loại hiện vật này lần đầu tiên phát hiện thấy ở Việt Nam. Song chúng đã được tìm thấy nhiều ở khu vực cực Nam Nhật Bản, Đông Đài Loan, Bắc Philippines và Nam Thái Lan.

Đồ gốm xuất hiện trong hầu khắp các di chỉ văn hoá Xóm Cồn, với số lượng khác nhau, chẳng hạn ở Xóm Cồn có 33.000 mảnh, Bích Dầm có 7.800 mảnh, Gò Ốc có 1900 mảnh... Đồ gốm trong các di tích văn hóa Xóm Cồn khá đồng nhất về chất liệu, kỹ thuật chế tạo, loại hình và hoa văn trang trí. Loại gốm có xương màu đen chiếm đa số (86%), còn loại xương đỏ chiếm ít hơn (14%). Phần lớn gốm trong văn hoá Xóm Cồn đã sử dụng đất sét pha cát biển, hạt cát tương đối mịn (đối với loại gốm xương đen).

Xét về loại hình gốm thì đơn điệu, nhưng rất phong phú về kiểu dáng, với những biến thể khác nhau. Ví như, trong cùng một loại nôi đáy tròn miệng loe, có dáng loe vừa, có dáng loe gãy; có dạng vành miệng hơi khum lòng máng; có kiểu miệng mép tròn, có kiểu miệng mép vuông. Có nôi vai hơi xuôi, có nôi vai cong tròn.v.v.

Đồ gốm ở đây chủ yếu được nặn bằng tay kết hợp với bàn đập – hòn kê. Kỹ thuật bàn xoay dường như chỉ được áp dụng ở khâu hoàn thiện. Mặt ngoài đồ gốm

thường được phủ bằng văn chải, rất ít văn thừng. Hoa văn trang trí là văn khắc vạch, in chấm, dán thêm, tô màu. Loại văn in chấm với phương pháp dùng que nhiều răng tạo những đường in chấm ziczắc rất đặc trưng cho gốm Xóm Cồn. Bên cạnh đó đã thấy xuất hiện văn vẽ màu trên nền áo đỏ hoặc da cam với những đường xoắn ốc, tương tự hoa văn gốm Ban Chiang (Thái Lan). Điều ghi nhận nữa là ngoài các kiểu dạng nổi gốm, trong văn hoá Xóm Cồn còn tìm thấy một số loại hình bát và đĩa mâm bông có tô màu đỏ, nhưng lại thiếu vắng bi gốm, dọc xe chỉ và chì lưới.

Hiện nay vấn đề chủ nhân và niên đại của văn hoá Xóm Cồn còn quá ít tư liệu. Kết quả giám định rằng người cổ ở Bình Ba gọi ra rằng, chủ nhân văn hoá Xóm Cồn có thể thuộc chủng Australo – Mongoloid, trong đó nét Mongoloid nổi trội hơn.

Hiện nay mới có 2 niên đại C14 cho 2 địa điểm văn hoá Xóm Cồn. Tại Xóm Cồn mẫu ốc ở lớp cuối là 4140 ± 80 năm cách ngày nay và Bích Đầm (lớp dưới) là 2935 ± 65 năm cách ngày nay. Vũ Quốc Hiền cho rằng, Xóm Cồn thuộc thời đại đồng và niên đại trong khoảng 3500 - 3000 năm cách nay.

Trong các di tích Xóm Cồn chưa tìm thấy di vật đồng hoặc xỉ đồng. Tuy nhiên, trong tầng văn hoá của di chỉ Bích Đầm đã phát hiện được 1 chiếc khuôn đúc bằng đá, có khả năng là khuôn đúc hở, một mang. Bằng chứng đó góp phần khẳng định văn hoá Xóm Cồn đã bước vào thời đại kim khí.

Những tư liệu thám sát và khai quật từ các di tích thuộc văn hoá Xóm Cồn đã xác nhận rằng, cư dân cổ ở đây là những người săn bắt, đánh cá, khai thác nguồn lợi biển. Có nhiều khả năng họ đã biết đến trồng trọt và chăn nuôi. Và họ đã biết chế tạo đồ trang sức dùng để trao đổi với các nơi khác. Phương thức khai thác biển từ nguồn thực phẩm đến nguyên liệu để chế tác công cụ và đồ trang sức đã xác nhận rằng, họ là chủ nhân của nền văn hoá biển tiêu biểu ở Nam Trung Bộ.

Văn hoá Xóm Cồn là một điểm sáng trong nền cảnh văn hoá tiền sử miền Nam Trung bộ, thể hiện trên những nét chính sau đây:

- Văn hoá Xóm Cồn là một văn hoá biển, với tích tụ dày vỏ các loại nhuyễn thể biển, với sự độc tôn của rìu không có vai mài nhọn toàn thân, sự phổ biến công cụ và đồ trang sức làm từ vỏ ốc biển, với sự áp đảo của gốm văn chải, và sự độc đáo trong trang trí in chấm những đường ziczắc và đặc biệt là sự có mặt đồng thời gốm tô màu và vẽ màu. Những đặc trưng đó, khiến không thể lẫn văn hoá Xóm Cồn với bất cứ một văn hoá tiền sử nào đã biết ở Việt Nam.

- Văn hóa Xóm Cồn có thể được coi như một cầu nối các văn hoá đương thời ở lưu vực sông Đồng Nai với khu vực miền Trung và Tây Nguyên, một trong số những nguồn hợp tạo dựng văn minh Sa Huỳnh ở Nam Trung Bộ.

Xác lập văn hoá Xóm Cồn là một thành tựu quan trọng của khảo cổ học Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu như nguồn gốc, niên đại và chủ nhân văn hoá Xóm Cồn.

2. Giai đoạn Long Thạnh

2.1. Địa vực phân bố

Nhìn trên bản đồ phân bố các di tích văn hoá Sa Huỳnh, chúng ta nhận thấy rằng hầu hết các di tích văn hoá Sa Huỳnh đều phân bố dọc ven biển Nam Trung bộ Việt Nam. Vị trí phân bố hoặc trên các đồi gò cát ven biển hoặc trên các đồi đất, chân núi. Thỉnh thoảng chúng ta cũng gặp các khu mộ hoặc các khu cư trú ở gần các dòng sông đổ ra biển hoặc trên các đảo cát nhỏ gần bờ do các dòng hải lưu tạo nên. Những phát hiện ở Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định gần đây cung cấp thêm những tư liệu mới về những loại hình Sa Huỳnh vùng núi, cách xa biển 50 – 60 km có những sắc thái văn hoá núi rất đặc sắc trong nội dung văn hoá của các di tích đó. Phần lớn đây là những di tích Sa Huỳnh khá muộn, thuộc sơ kỳ sắt, trừ một vài di tích có thể thuộc sơ kỳ đồng thau như Gò Miếu, Trà Xuân, Tịnh Thọ...

Cư dân Sa Huỳnh trong quá trình vận động đã chiếm lĩnh, hòa điệu và biến cải môi trường sống với thể trước mặt là biển khơi, phía sau là dải đồng bằng trước núi và xa hơn là các dãy núi điệp trùng, đã trải dài qua hàng nghìn năm vật lộn với sóng biển và bão cát, khác nhau về độ cao và quy mô, có xu hướng chuyển dần vào nội địa và lấn dải đồng bằng vốn đã nhỏ hẹp.

Một loạt các địa điểm thuộc nhóm di tích sơ kỳ đồng thau trong văn hoá Sa Huỳnh đều phân bố dọc duyên hải miền Trung, trên các dải đồng bằng ven sông, trên các đồi gò trước núi, chứng tỏ sự chiếm lĩnh đồng bằng của các cư dân thời đại đồng thau xảy ra nhanh chóng và đều khắp trên nhiều địa bàn, sau một thời kỳ biển tiến và rút đi đã tạo nên một dải đồng bằng phù sa màu mỡ, thuận tiện cho việc trồng trọt và nông nghiệp trồng lúa. Đáng chú ý là phần lớn các di tích sớm của giai đoạn này lại là các di tích cư trú xen lẫn khu mộ táng cùng thời hoặc muộn hơn, như di tích Long Thạnh, Bầu Trám, Suối Chồn, Mỹ Tường, Hòn Đỏ (lớp I và II), Truong Xe, Núi Sứa.v.v.

2.2. Các đặc trưng văn hoá

Để nhận thức đầy đủ tính chất văn hoá giai đoạn sơ kỳ đồng thau của các di tích Tiền Sa Huỳnh, trước hết chúng ta cần xem xét các đặc trưng văn hoá cơ bản của giai đoạn này.

Trong bộ công cụ đá, nổi nét có các loại cuốc đá to bản, lưỡi hình vòng cung không có vai, thân mỏng được các nhà khảo cổ quen gọi là cuốc hình “lưỡi mèo”. Trong di tích Long Thạnh đã tìm thấy hàng loạt mảnh vỡ của loại cuốc này. Đáng

chú ý là 2 chiếc cuốc còn nguyên vẹn được phát hiện trong 2 ngôi mộ chum là mộ 14 và mộ 15 giúp chúng ta có ý niệm cụ thể về cuốc đá giai đoạn này. Cuốc dài 17 – 18 cm, chuôi rộng 7 – 8 cm, lưỡi rộng 11 cm. Cuốc được làm từ đá badan có màu xanh đen.

Trong các di tích sớm, nhiều hơn cả vẫn là rìu đá, phổ biến loại rìu hình tứ giác, lưỡi rộng, kích thước nhỏ và trung bình, dài từ 4 đến 10 cm, lưỡi rộng từ 2 đến 6 cm. Nhìn chung rìu tứ giác của giai đoạn này có thân thon dài, đốc hẹp và nở rộng ở phần lưỡi. Nhìn về kiểu dáng chúng ta dễ nhận ra sự khác biệt với rìu tứ giác trong các di tích kim khí sớm ở Bắc Bộ. Bên cạnh loại rìu tứ giác, một số tiêu bản rìu đá có vai cũng phát hiện được ở trong các di tích ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam, Đà Nẵng. Đặc biệt trong nhóm rìu có vai cần ghi nhận đặc trưng nổi bật của giai đoạn Long Thạnh là rìu có vai kiểu “răng trâu”. Đặc trưng này giúp chúng ta tìm ra mối quan hệ nguồn gốc giữa các di tích Tiền Sa Huỳnh với các văn hoá sớm hơn ở miền Trung Việt Nam (Bàu Tró).

Cũng là một trong những tiêu chí để chúng ta nhìn nhận diện mạo văn hoá và truy tìm nguồn gốc văn hoá Sa Huỳnh là trong giai đoạn Long Thạnh có mặt loại rìu đá không vai, đốc hẹp hoặc nhọn, lưỡi xoè, toàn thân có hình tam giác. Loại rìu này rất phổ biến trong các văn hoá hậu kỳ đá mới - sơ kỳ đồng lưu vực sông Đồng Nai.

Trong đồ đá, chúng ta gặp rất nhiều bàn mài các loại. Có loại để mài công cụ đá như cuốc, rìu, đó là loại bàn mài có lòng chảo. Có loại để mài mặt trong của vòng. Ngoài bàn mài còn gặp mũi khoan đá bằng thạch anh.

Trong các di tích sơ kỳ đồng thau, chúng ta vẫn thường gặp hiện vật phổ biến trong các văn hoá hậu kỳ đá mới là chày nghiền và hòn kê. Trong các di tích nhóm Long Thạnh nhiều tiêu bản của chày nghiền và hòn kê cũng đã được phát hiện. Chày nghiền là những viên cuội hình trụ, mặt tác dụng thường bị mòn vẹt ở hai đầu. Hòn kê cũng là loại đá cuội biến, trên bề mặt có các vết lõm lõ chỗ ăn sâu xuống do lực tác dụng vào. Rải rác trong một số di tích ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Quảng Nam, Đà Nẵng chúng ta thấy hiện diện các dao hái bằng đá, một số đục nhỏ bằng đá, chày đập vỏ cây..v.v..

Đồ trang sức bằng đá giai đoạn Long Thạnh có khuyên tai, vòng tai và hạt chuỗi. Không phải đồ trang sức bằng đá đều được phát hiện trong tất cả các di tích. Nhưng những di tích phát hiện được hạt chuỗi hay khuyên tai đều cung cấp những tiêu bản rất đặc trưng và độc đáo. Trong di tích Long Thạnh đã phát hiện thấy 2 đôi khuyên tai trong mộ số 7. Một đôi khuyên tai có bản dẹt, làm từ Nephrit màu trắng ngà. Khuyên tai có bản rộng và mỏng, bên trong có lỗ nhỏ. Bản vòng có khe hở để đeo vào tai. Khuyên tai có đường kính 5 cm. Đôi khuyên tai khác có hình tròn như chiếc đĩa, xung quanh có 4 mẫu dẹt. Trên mẫu có khắc hình tai thú.

Vòng tai có khe hở nhỏ để kẹp vào tai. Đường kính vòng 8,5 cm, bản vòng rộng 0,7 cm.

Hạt chuỗi có 3 loại. Loại hình ống có khắc ngoài nổi như đốt trúc, loại hình ống trơn và loại hạt chuỗi gần tròn giống hạt cườm. Tất cả đều được làm từ đá Nephrit màu trắng hoặc xanh nhạt. Ngoài việc sử dụng đá ngọc để làm đồ trang sức chúng ta còn phát hiện thấy cư dân Sa Huỳnh giai đoạn này đã dùng vỏ sò, chế tác thành đồ trang sức như hạt chuỗi hoặc ghè mặt lưng vỏ ốc tiền để đeo.v.v..Trong di tích Mỹ Tường đã phát hiện được 800 vỏ ốc có lỗ ở mặt lưng trong một ngôi mộ chum.

Hiện vật bằng xương trong các di tích giai đoạn này rất hiếm gặp. Các nhà khảo cổ mới chỉ phát hiện được một số lưỡi câu và mũi lao xương trong di tích cư trú Long Thạnh.

Trong bộ hiện vật của giai đoạn này, nhiều nhất và đáng lưu ý nhất là đồ gốm. Gốm giai đoạn Long Thạnh vừa có nhiều loại hình, vừa có nhiều thể loại và rất phong phú về hoa văn. Đồng thời ở mỗi khu vực văn hoá lại biểu hiện những nét khá riêng biệt, mang đặc thù địa phương của từng vùng. Khu vực Quảng Ngãi, Bình Định có đồ gốm độc đáo và đẹp nhất trong cái nhìn chung với các khu vực khác như Quảng Nam, Đà Nẵng, Ninh Thuận, Bình Thuận...Ở khu vực này sắc thái của biển được thể hiện đậm đà nhất trong các mô típ hoa văn. Phong cách tạo dáng gốm uyển chuyển và tinh tế.

Nói đến Quảng Ngãi tức là chúng ta lại quay về với khu vực Sa Huỳnh, với di tích Long Thạnh, với những khu mộ chum đầy sức quyến rũ. Đồ gốm ở đây, ngoài những mảnh thu được trong khu cư trú mà chúng tôi có dịp nói tới trong khi miêu tả về địa tầng, chủ yếu vẫn là đồ gốm nguyên dạng được phát hiện trong các mộ táng bao gồm các thể loại như bình, nôi, bát, dọi xe chỉ, chày lười....

Có thể nói rằng, tư duy mỹ thuật của cư dân Sa Huỳnh thể hiện chủ yếu ở phong cách tạo dáng các loại bình vò và khắc họa các đồ án hoa văn trên gốm. Ở giai đoạn Long Thạnh chúng ta nhận thấy điều này rất rõ. Bình Long Thạnh là loại bình có dáng cao, thanh mảnh ở cổ và mở rộng ở phần thân dưới. Miệng bình thường nở rộng, chân đế thấp. Đây là dạng bình mà chúng ta thường gọi là bình hình lọ hoa. Do các biến tấu của miệng, cổ và thân mà bình được chia làm 5 loại. Tất cả các loại đều được trang trí hoa văn đẹp và trang nhã. Hoa văn trang trí thường tổng hợp các yếu tố khắc vạch, in răng sò, tô màu, văn thừng... Nội dung các băng hoa văn thể hiện các biến tấu của sóng biển.

Cũng khá đặc sắc là các loại bát sâu lòng có chân đế cao, loe choãi, mép miệng nở và có đường gờ chạy quanh. Trên thành miệng bát có trang trí hoa văn khắc vạch cách quãng. Hoa văn được trang trí trong và ngoài bát. Kiểu dáng bát

giống như những nắp đậy mộ chum. Đường kính miệng bát 16 -17 cm, lòng bát sâu 6 - 8 cm.

Ngoài bát có chân đế, chúng ta thỉnh thoảng cũng gặp những bát không chân đế có đáy tròn như hiện vật phát hiện trong mộ 5 di tích Long Thạnh II. Có thể loại hiện vật này có chức năng là nắp đậy hơn là bát. Trên thân có trang trí hoa văn làn sóng đuổi nhau. Hiện vật có đường kính 15 cm, cao 8 cm.

Nồi là loại đồ gốm thường gặp trong các mộ táng và di chỉ cư trú. Hầu hết đều có thân phình, đáy tròn, miệng loe, dáng thấp. Có dạng nồi thường dùng và có dạng nồi minh khí. Nồi dạng minh khí được làm bằng tay có trang trí hoa văn. Đáng chú ý là một vài nồi lớn cũng có trang trí hoa văn ở thân. Tuy nhiên hoa văn của nồi có phần giản đơn hơn so với hoa văn trên các bình vò.

Trong nhóm đồ gốm còn có loại chì lưới bằng đất nung hình bầu dục. Loại chì lưới này rất phổ biến trong các di tích hậu kỳ đá mới - sơ kỳ đồng ở Việt Nam. Cũng cần kể đến những dọi xe sợi độc đáo hình ống chỉ hai đầu loe có trang trí các vòng tròn trên mặt, các khuyên tai đất nung có mặt cắt hình tròn, vật có hình trụ bóp hai đầu, trên thân có trang trí các đường vạch, vật có dáng tương tự như các con lăn in hoa văn bằng gốm, vật hình sinh thực khí nữ độc đáo.

Nét nổi bật trong đồ gốm Tiền Sa Huỳnh giai đoạn Long Thạnh cũng là nét tạo thành một trong những đặc trưng cho văn hoá Sa Huỳnh sau này là các chum hay vò lớn, có nắp đậy hình bát được dùng làm quan tài giai đoạn sớm, chum có dáng hình trứng và nắp đậy là những bát mâm bông hình nón cụt, đế thấp. Thân bát bên ngoài trang trí các hoa văn khắc vạch uốn lượn như trên các bình hình lọ hoa và trên mép miệng được cắt thành hình răng cưa, cụm thành từng nhóm.

Bên cạnh loại hình, hoa văn trang trí đóng vai trò rất quan trọng để nhận thức đầy đủ hơn đặc trưng đồ gốm ở đây. Trong tổng số 8693 mảnh gốm ở hố II di tích Long Thạnh có 6893 mảnh có trang trí hoa văn bao gồm văn thường, văn khắc vạch, văn tô màu, văn in.

Văn thường là văn chủ đạo trang trí trên các mộ chum, trên thân nồi, trên thân vò và đáy bình. Trên các mộ chum, văn thường là thường thô trang trí từ vai tới đáy. Trên các nồi, bát, bình trang trí văn thường mịn và kết hợp với các loại văn khác để tạo nên các đồ án khác nhau.

Văn khắc vạch bao gồm các hoạ tiết sau: văn vạch hình tam giác trong các băng nằm ngang, văn vạch những đường xiên chéo nhau, văn vạch những đường cong võng xuống lồng vào nhau và cách quãng trên nền tô màu đen, văn vạch các đường thẳng đứng thành từng nhóm, văn vạch hình bông lúa nằm ngang, văn vạch từng đường cong hình làn sóng lượn, văn vạch từng đường cong tỏa từ một vòng trung tâm, văn vạch hình chữ chi...Các hoạ tiết trên được trang điểm cho từng bộ phận riêng của gốm.

Văn tô màu tạo nên các băng chủ đạo trên gốm, chủ yếu là các băng hình làn sóng. Nguyên liệu tô màu là những thỏi chì được mài thành bột, có lẽ được tô vẽ lên gốm trước khi nung. Các băng tô màu được miết láng bóng đẹp.

Văn in khá phổ biến trong đồ gốm giai đoạn này. Thông thường, cư dân tiền Sa Huỳnh dùng loại vỏ sò biển để in trên thân gốm, tạo nên những dấu chữ V lấn tăn trên mặt gốm. Có loại sò nhỏ tạo nên hình bọ gậy và cũng có loại hình tròn giống cọng rạ... Ngoài các loại hoa văn chủ đạo trên đây, thường gặp một số loại khác nhau như văn chấm dải, văn bầm rạch...

Gốm sơ kỳ đồng trong văn hoá tiền Sa Huỳnh đã tạo nên phong cách đặc thù riêng biệt cho từng khu vực. Tuy nhiên, tài liệu ở các khu vực khác còn quá ít để từ đó xác lập nên những truyền thống, những loại hình riêng trong cái nhìn tổng thể. Sự tản mạn và ít ỏi của tư liệu chỉ cho phép chúng ta nêu lên những suy nghĩ, những gợi mở ban đầu. Hiện nay có thể xem gốm sớm khu vực Sa Huỳnh tiêu biểu cho giai đoạn này.

Song song với việc nghiên cứu các hiện vật biểu thị cho bề nổi văn hoá, chúng ta hãy xem xét phong cách mai táng của cư dân tiền Sa Huỳnh - giai đoạn đầu tạo dựng văn minh. Trong giai đoạn sớm, mộ thường được chôn ngay trong di chỉ cư trú. Trong khu mộ, các mộ táng chum nằm thành từng nhóm 5 - 15 mộ hoặc nhiều hơn. Vò mộ đều được chôn đứng và có nắp đậy. Đôi khi chúng ta gặp trường hợp mộ có đục lỗ ở đáy hoặc thành vò. Hiện vật tùy táng đều được đặt trong vò, ít khi đặt ở ngoài. Vò táng có nhiều loại. Cỡ to hơn là các chum với hình dạng khác nhau. Chủ yếu phổ biến loại chum có dáng thuôn về đáy, đáy tròn. Loại này chúng ta thường gọi là chum hình trứng. Loại có kích thước nhỏ hơn ta gọi là các vò táng. Vò táng thường có dạng hình cầu. Vò táng (nồi) có kích thước cao 30 - 40 cm, đường kính miệng 25 - 35 cm, bụng rộng 35 - 45 cm. Loại chum có đường kính miệng 40 - 60 cm, đường kính thân 50 - 70 cm, cao 70 - 100 cm.

Đồ tùy táng được đặt có ý thức trong vò. Qua xem xét chúng tôi cho rằng một số loại hiện vật dễ vỡ được đặt sau khi vò táng đã hạ huyệt. Trong một số ít vò táng có phát hiện được một ít xương răng trẻ em, còn phần lớn không có vết tích xương cốt.

Mộ táng đều không bị cắt phá nhau và chôn trên cùng một bình diện địa tầng. Các chum gốm dùng cho việc mai táng đều được chế tác chắc chắn và chỉ phục vụ cho chức năng này. Đáng chú ý là các nắp đậy mộ vò. Dáng cơ bản của chúng là hình mâm bông hay lồng bàn. Các chân đế (hay núm cầm) đều bị đập vỡ khi đặt lên mộ chum. Các khu mộ điển hình có phong cách táng như trên là Long Thạnh, Mỹ Tường, Truong Xe, Núi Sứa...

Qua tính chất và thành phần các đồ tùy táng, chúng tôi cho rằng đã có sự phân hoá tài sản trong cư dân Tiền Sa Huỳnh ngay từ giai đoạn sớm. Điều này cũng nói

lên sự phân hoá xã hội đã hình thành trong từng cộng đồng người thân tộc. Việc chôn người chết ngay trong khu cư trú biểu hiện một tư duy tôn giáo nguyên thủy, một mối quan hệ mật thiết giữa người sống và người chết.

3. Giai đoạn Bình Châu

3.1. Các đặc trưng văn hoá

Hiện nay việc xác định có giai đoạn đồng thau phát triển trước văn hoá Sa Huỳnh cổ điển được tạm chấp nhận qua phân tích tư liệu (còn khá tản mạn) của một số di tích. Đặc biệt là trong các di tích giai đoạn này đã xuất hiện nghề luyện kim đồng thau. Tuy sản phẩm đồng thau chưa lẫn át được các công cụ đá cổ truyền nhưng sự có mặt rõ ràng của nghề đúc đồng trong giai đoạn này chứng tỏ đời sống kinh tế xã hội đã có bước tiến quan trọng. Giai đoạn này được gọi là giai đoạn Bình Châu, tên một di tích ở Quảng Ngãi có tư liệu độc đáo, phong phú và được nghiên cứu đầy đủ nhất. Thuộc nhóm di tích này có các di tích Bàu Trám (lớp trên và mộ táng), khu cư trú di tích Bàu Hoè và có thể một số mộ táng thuộc thời kỳ đồng thau của di tích này, di tích Xóm Ốc (đảo Ly Sơn), Gò Miếu, Phú Trường..

Những phát hiện các di tích giai đoạn Bình Châu cho thấy diện phân bố của cư dân thời kỳ đồng thau chưa trải đều ở các khu vực phân bố chủ yếu của văn hoá Tiền Sa Huỳnh và Sa Huỳnh từ sơ kỳ đồng đến sơ kỳ sắt.

Hiện nay nhóm di tích Bình Châu được biết chủ yếu ở hai khu vực Quảng Ngãi và Quảng Nam, Đà Nẵng. Ngoài ra, những phát hiện lẻ tẻ chưa được khai quật còn cho thấy khu vực Bình Thuận, Ninh Thuận cũng có các di tích dạng Bình Châu phân bố, như di tích Phú Trường ở xã Hàm Nhuận, huyện Hàm Thuận có các công cụ đá, vòng tay đồng và mộ vò. Bản thân di tích Bàu Hoè chứa đựng nội dung văn hoá của giai đoạn hậu kỳ đồng thau. Bên cạnh hàng loạt công cụ đồng thau vẫn có nhiều công cụ đá. Trong khi đó có một số mộ đã có công cụ sắt chứng tỏ có một giai đoạn muộn thuộc sơ kỳ sắt ở đây. Như vậy, tầng văn hóa di tích Bàu Hoè có một quá trình phát triển liên tục, lâu dài từ thời kỳ đồng thau đến sắt sớm.

Các di tích nhóm Bình Châu ở Quảng Ngãi, Bình Định và Quảng Nam, Đà Nẵng lại cho thấy sự phát triển từ sơ kỳ đồng thau đến hậu kỳ đồng thau. Như vậy, sự phát triển đan xen của các nhóm di tích trên đây cho thấy quá trình phát triển văn hoá Sa Huỳnh là khá liên tục từ sơ kỳ đồng đến sơ kỳ sắt. Các di tích mang ý nghĩa trung chuyển hay chuyển tiếp văn hoá được chúng tôi xếp vào nhóm di tích Bình Châu.

Nhóm di tích Bình Châu phân bố chủ yếu ở các gò cát ven biển hoặc ven cửa sông với thế đất thuận lợi, có biển phía trước, phía sau là dải đồng bằng đất pha cát phù sa hoặc các dải đất thấp với một hệ thống đầm nước ngọt.

Trong giai đoạn này có sự đổi mới về phong tục chôn cất. Các khu mộ đã tách khỏi khu cư trú và đã được chôn ở một khu vực riêng cách không xa nơi ở.

Trong di tích Bình Châu, hầu hết các mảnh gốm đều tô màu, chủ yếu là màu đỏ, màu đen ánh chì. Cách tô màu gốm giai đoạn Bình Châu thường được phối hợp với những yếu tố khác như văn thừng, văn khắc vạch, văn chấm dải...

Về tục mai táng, trong giai đoạn này đã xuất hiện các phương thức mai táng khác nhau nhưng chủ đạo vẫn là chôn trong vò. Đây là phong cách mai táng truyền thống của cư dân văn hoá Sa Huỳnh. Trong khu mai táng ở Bầu Trám đã phát hiện được nhiều cum mộ vò và có thể xác định được 3 mộ vò. Mộ vò được chôn đứng và có nắp đáy. Vò lớn có hình cầu, đường kính 40cm, cao khoảng 40-50cm. Các vò táng loại nhỏ thuộc dạng nôi cỡ trung bình. Nắp đáy mộ vò lớn nhất hình nón cụt nhưng nắp đáy loại vò nhỏ có hình lồng bàn. Đây là loại nắp đáy phổ biến trong giai đoạn sơ kỳ đồng của văn hoá Sa Huỳnh. Riêng ở Bình Châu đã tồn tại một tục táng khá độc đáo là các nôi vò thường được đặt úp miệng xuống đất.

Trong mỗi mộ thường có khoảng 3-5 nôi, vò hoặc bát bồng xếp gần nhau. Trong đồ gốm to nhất thường đặt các đồ tùy táng nhỏ hơn như các nôi vò cỡ nhỏ, đồ đồng thau, quả cân gốm, khuyên tai gốm ..v..v. Mộ thường nằm ở độ sâu 0,50 – 0,85 so với mặt gò. Trong mộ không có hiện tượng rải gốm hay rải đá và không còn dấu tích xương người.

Trong giai đoạn này, công cụ đá vẫn chiếm vị trí chủ đạo, thường gặp loại cuốc hình “lưỡi mèo” có dáng nở rộng về phần lưỡi, đốc hẹp rất thuận lợi cho việc canh tác nông nghiệp trên các dải đồng bằng đất pha cát vùng duyên hải. Loại cuốc này rõ ràng là tiêu chí xác định đặc trưng văn hoá cho các di tích tiền Sa Huỳnh. Chúng có mặt ở giai đoạn Long Thạnh và tiếp nối truyền thống ở giai đoạn Bình Châu. Loại rìu đá đốc nhọn, thân hình tam giác của giai đoạn sơ kỳ đồng vẫn tồn tại ở giai đoạn này và vẫn bảo lưu khá lâu dài

4. Các di tích Sa Huỳnh

4.1. Những mối quan hệ văn hoá

Không tính những địa điểm đã biết từ trước ngày giải phóng Miền Nam, những địa điểm quan trọng mới được phát hiện và khai quật bao gồm: Tam Mỹ, Đại Lãnh, Quế Lộc, Phú Hoà, Suối Chồn, Bầu Hoè, Động Láng, Hòn Đỏ II, Pa Xua, Tiên Hà, Phước Hải...

Đặc trưng của bộ di vật mới phát hiện đã cung cấp những nhận thức cụ thể nhiều mặt về một giai đoạn hội tụ các dòng chảy để hình thành Sa Huỳnh đỉnh cao thời kỳ này. Các nhóm cư dân Sa Huỳnh không những phân bố dọc duyên hải miền Trung mà còn phân bố ở các vùng trung du và miền núi vùng Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định. Địa vực phân bố khác nhau đã tạo trong văn hoá Sa

Huỳnh một sự đa sắc văn hoá trong khối nền chung. Sắc thái văn hoá núi đã dần hiện lên như những nét độc đáo của văn hoá Sa Huỳnh bên cạnh các sắc thái biển truyền thống. Gần đây, khảo cổ học còn phát hiện các mộ chum ở Đak Lak, Gia Lai và đặc biệt là di chỉ – mộ táng chum ở Lung Leng (Kon Tum).

Khác các di tích được phát hiện trước kia chỉ bao gồm các khu mộ táng, thực ra phần lớn các di tích đã biết thường có khu cư trú liền kề.

Đặc trưng chung của hiện vật trong các mộ táng cho thấy rõ kỹ thuật nông nghiệp dùng cuốc, rìu đá của giai đoạn Long Thạnh và Bình Châu đã được thay thế cơ bản bằng các công cụ sắt như cuốc, thuổng, liềm, dao.

Hiện vật đồng trong giai đoạn hưng thịnh này ít được sử dụng để làm công cụ mà được dùng để làm đồ trang sức và vũ khí như vòng, nhạc khí, rìu, giáo, qua. Đáng chú ý là đồ sắt không chỉ được sử dụng làm công cụ mà còn dùng làm vũ khí như kiếm, giáo...

Đồ trang sức được phát triển hoàn mỹ, nhiều thể loại với chất liệu đá quý hiếm như đá ngọc, mã não... Đồ thủy tinh đã ra đời và chiếm vị trí quan trọng trong kỹ nghệ làm đồ trang sức như khuyên tai ba mấu, hạt chuỗi...

Cách thức mai táng dùng vò chum vẫn là đặc trưng nổi nét, ngoài ra vẫn còn tồn tại dạng mộ nồi, vò nhỏ. Đặc trưng mộ vò đã có sự chuyển biến hình dạng, không phổ biến loại hình trứng như trong giai đoạn sơ kỳ đồng mà phổ biến loại hình trụ với nắp dẹt hình nón cụt và loại mộ vò hình cầu đáy tròn.

Với một số niên đại C14 có được ở Quế Lộc: 2100năm, sai số 50 năm cách ngày nay, ở Hàng Gòn: 2100năm, sai số 150 năm ; 2190năm, sai số 150; 2300năm, sai số 150 năm cách ngày nay, ở Phú Hoà (Đồng Nai): 2590năm, sai số 290; 2400năm, sai số 140 năm cách ngày nay, chúng ta có thể xem giai đoạn sơ kỳ sắt này của văn hoá Sa Huỳnh tồn tại trong khoảng thiên niên kỷ I trước Công nguyên đến đầu Công nguyên.

4.2. Con người và cuộc sống

Có thể khẳng định rằng cư dân thời đại kim khí ở Việt Nam là cư dân nông nghiệp. Cư dân Phùng Nguyên – Đông Sơn, Cầu Sắt – Dốc Chùa là những cư dân làm nông trên các dải đồng bằng châu thổ Sông Hồng, Sông Mã, Sông Cả, sông Đồng Nai. Họ là những cư dân trồng lúa nước. Chứng tích khảo cổ học, cổ thực vật học đã nói lên điều đó. Địa hình phân bố của cư dân Sa Huỳnh chủ yếu ở ven biển nên cơ tầng kinh tế của người Sa Huỳnh là làm nông trên đồng bằng duyên hải. Các khu cư trú của người Sa Huỳnh nằm ven các cửa sông gần biển, các đầm nước ngọt ven biển. Với các lớp văn hoá dày, có nơi tới 2m, chứng tỏ họ đã tụ cư liên tục, ổn định và gắn quây với nhau thành một khối cộng đồng. Trong giai đoạn văn hoá sớm, họ đã sử dụng công cụ đá như cuốc, rìu, dao... Nền nông nghiệp dùng

cuộc đã chi phối toàn bộ cơ tầng kinh tế của cư dân Sa Huỳnh từ sớm tới muộn. Chỉ khác là ở giai đoạn phát triển hưng thịnh nhất, cuộc sắt đã ra đời và tạo nên bước ngoặt lớn trong nông nghiệp.

Đồ sắt trong giai đoạn này chủ yếu là công cụ sản xuất như cuốc, thuổng, liềm, dao, rìu. Công cụ sản xuất bằng đá đã mất hẳn vị trí như trước đây và bóng dáng của chúng không còn in đậm trong nội dung văn hóa giai đoạn này.

Chúng ta chưa phát hiện được các hạt lúa nguyên dạng trong văn hoá Sa Huỳnh nhưng trong gốm Sa Huỳnh có pha trấu. Rõ ràng lúa là thành phần cây lương thực chính. Hình vẽ về cây lúa còn in dấu trên gốm Bình Châu như một mô típ hoa văn. Hình bông lúa cũng là một biểu tượng quen thuộc của gốm Sa Huỳnh. Ngoài lúa, có thể có một số cây lương thực khác như khoai, sắn, lạc, đậu.v.v. mà đất phù sa cát rất thích ứng cho việc canh tác những loại cây trên. Có thể cây lấy sợi như bông, đay, gai vẫn được cư dân Sa Huỳnh trồng để phát triển nghề dệt sợi. Các dọi xe sợi đã nói lên sự phát triển của nghề thủ công này trong văn hoá Sa Huỳnh.

Người Sa Huỳnh có nghề gốm rất phát triển. Các chum gốm lớn, các bình vò có hoa văn đẹp chứng tỏ kỹ thuật và óc thẩm mỹ của người Sa Huỳnh rất cao trong việc chế tác gốm.

Người Sa Huỳnh cũng biết chế tạo đồng thau để làm công cụ, vũ khí và đồ trang sức. Nghề luyện kim đồng thau không phải từ nơi khác du nhập vào Sa Huỳnh mà chính do người Sa Huỳnh sáng tạo và làm ra. Cư dân Bình Châu, Bàu Trám đã biết tới kỹ nghệ này. Trong các khu cư trú và mộ táng giai đoạn này chúng ta đã phát hiện được nồi nấu đồng, khuôn đúc, xỉ đồng và hiện vật đồng. Tuy nhiên sự phát triển của nghề luyện kim đồng thau không thể so sánh được với Đông Sơn và Dốc Chùa. Do vậy, cư dân Sa Huỳnh đã trao đổi và du nhập sản phẩm đồng thau của Đông Sơn và Đồng Nai.

Nổi bật hơn ở Sa Huỳnh là nghề rèn sắt. Hàng loạt đồ sắt Sa Huỳnh đã nói lên điều đó. Ngoài việc rèn sắt, tài liệu ở khu mộ Đại Lãnh đã cho ta thấy người Sa Huỳnh còn biết đúc gang. Đồ sắt Sa Huỳnh không những được dùng ở Sa Huỳnh mà dựa vào thế mạnh này cư dân Sa Huỳnh đã trao đổi buôn bán với các cư dân khác. Nhiều nhà nghiên cứu khảo cổ Philippines đã cho đồ sắt có mặt trong văn hoá sơ kỳ sắt ở khu vực này có nguồn gốc từ Sa Huỳnh và có mối quan hệ mật thiết với Sa Huỳnh. Chắc chắn đồ sắt Sa Huỳnh, bằng việc trao đổi, buôn bán trên biển và đất liền, đã đến nhiều khu vực khác nữa.

Thành tựu lớn của người Sa Huỳnh là biết nấu thủy tinh để làm đồ trang sức như vòng tay, khuyên tai, hạt chuỗi với nhiều kiểu loại, trong đó đặc sắc nhất là khuyên tai hai đầu thú và khuyên tai ba mấu nhọn. Những loại khuyên tai này được các cư dân Đông Nam Á rất ưa chuộng. Sự có mặt của chúng ở nhiều khu vực khác

nhau ở Đông Nam Á đã nói lên điều đó. Trong văn hoá Đông Sơn, khu mộ Làng Vạc (Nghệ An) chứa nhiều đồ thuỷ tinh nhất, trong khi đó ở các nơi khác rất hiếm gặp. Chính trong khu vực này cũng phát hiện được chiếc mấu nhọn của loại khuyên tai ba mấu Sa Huỳnh.

Buôn bán trao đổi cũng là một nghề nghiệp. Buôn bán nói lên mối giao tiếp văn hoá, mối quan hệ tộc người, ngôn ngữ. Một cư dân có nền văn hoá phát triển phải có nghề buôn bán phát đạt. Hàng hoá, sản phẩm là chỉ số đo một nền văn minh. Có hàng hoá mới có buôn bán trao đổi. Cư dân Sa Huỳnh đã làm ra sản phẩm, hàng hoá để thực hiện công việc này. Hàng hoá, sản phẩm của người Sa Huỳnh là đồ sắt, đồ thuỷ tinh, đồ gốm với kỹ thuật và mỹ thuật cao. Người Sa Huỳnh có quan hệ buôn bán với người Việt cổ ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, với cư dân lưu vực sông Đồng Nai. Bằng đường biển họ đã tới Philippines, Indonesia, Malaysia, Hương Cảng và có thể còn đi xa hơn. Buôn bán ở đây hàm nghĩa các nhóm, các hội buôn nhỏ làm thành những đường dây liên hệ văn hoá. Có bán thì có mua, người Sa Huỳnh cũng đã mang về quê hương họ những sản phẩm của các văn hoá láng giềng và những đặc sản từ các nơi xa. Đồ đồng Đông Sơn, đặc biệt là trống đã có mặt ngay trong địa bàn Sa Huỳnh. Sản phẩm văn hoá Dốc Chùa cũng xuất hiện trong văn hoá Sa Huỳnh như ở Suối Chồn, Bàu Hoè (đồ đồng). Vai trò của buôn bán có ý nghĩa rất quan trọng trong sự phát triển văn hoá của các cư dân Đông Nam Á. Giáo sư Hutteer, nhà nghiên cứu nổi tiếng người Mỹ về khảo cổ học Đông Nam Á đặc biệt nhấn mạnh yếu tố này. Ông viết :”...Hoạt động buôn bán đóng vai trò lớn trong sự phát triển văn hoá ở Đông Nam Á và làm động lực gián tiếp để biến đổi văn hoá”

Bên cạnh cuộc sống vật chất đa dạng của cư dân Sa Huỳnh, người Sa Huỳnh cũng có đầu óc thẩm mỹ cao, một nền nghệ thuật phát triển. Họ cũng là những cư dân có những yếu tố tâm lý riêng, phong tục, nghi lễ riêng trong cái nền chung của khối cộng đồng cư dân Đông Nam Á thời đại kim khí.

Tư duy thẩm mỹ được khắc hoa trong nghệ thuật trang trí gốm Sa Huỳnh là sự chất lọc những nét đẹp của thiên nhiên để đưa vào sáng tác nghệ thuật. Đó chính là sự đồng điệu sâu sắc giữa con người và môi trường sống mà họ đã gắn bó, rung động và đồng cảm với nó trong suốt cuộc đời. Do vậy, cốt lõi của nghệ thuật Sa Huỳnh là miêu tả thiên nhiên mà chủ yếu là biển cả. Biển đã ăn sâu vào tiềm thức người Sa Huỳnh và họ đã không khó khăn gì khi thể hiện nó. Ngôn ngữ thể hiện ở đây cho ta thấy được từng trạng thái của thiên nhiên, lúc hiền lành, lúc dữ tợn. Khi thể hiện lúc biển lặng sóng yên, chúng ta thấy hoa văn trên đồ gốm là các băng chính nằm ngang. Khi biển sóng nhẹ, các băng chính chuyển thành các làn sóng thấp lăn tăn, khi biển hung dữ, các băng làn sóng thay đổi biên độ dao động, lúc xuống thấp, lúc lên cao, lúc vờn đuổi nhau, lúc quật vào nhau tung toé bọt nước. Ngoài ra, thủ pháp biểu hiện chủ đề sóng toé còn dồn vào biểu hiện sự chuyển động của sóng: lúc miêu tả sóng di chuyển dữ dội vào bờ, lúc thể hiện sóng đổ ụp

vào nhau ...Cần lưu ý rằng, nội dung biểu hiện của các băng hoa văn trong một đồ án trang trí đều gắn bó với nhau theo một chủ đề chính. Nếu như băng hoa văn chính thể hiện sự hưng dữ của biển cả thì các băng hoa văn phụ trợ cũng biểu hiện nội dung như vậy. Cư dân Sa Huỳnh là những người nắm chắc được sự thống nhất giữa hình thức và nội dung mà đặc biệt trong nghệ thuật trang trí, hai yếu tố đó là một cặp phạm trù không thể tách rời được.

Tư duy thẩm mỹ của người Sa Huỳnh trong các giai đoạn sớm, thời kỳ đồng thau, dồn vào đồ gốm thì đến giai đoạn muộn dồn vào chế tạo đồ trang sức. Khuyên tai hai đầu thú là một sự sáng tạo đặc sắc của người Sa Huỳnh. Những tiêu bản khuyên tai hai đầu thú còn chế tác dở ở Đại Lãnh cho ta thấy tính bản địa của chúng. Hai đầu thú ở đây, có khả năng là đầu dê, thể hiện sắc thái văn hoá trung du. Sự hoà đồng văn hoá núi – biển trong giai đoạn sắt sớm văn hoá Sa Huỳnh diễn ra mạnh mẽ. Khuyên tai hai đầu thú với tính cách điệu cao thể hiện phong cách nghệ thuật điêu khắc đá của cư dân Sa Huỳnh, đồng thời cũng biểu hiện thế giới quan của của người Sa Huỳnh. Sinh vật, vũ trụ tồn tại được nhờ kết hợp giữa các cặp đối lập âm dương, trống mái, nước lửa... Đây chính là quan điểm phần thực của cư dân Sa Huỳnh.

Khuyên tai hai đầu thú Sa Huỳnh làm chúng ta liên tưởng đến nghệ thuật trang trí trong văn hoá Xit ở Bắc Biển Đen. Mẫu hình động vật trang trí là những cặp đôi cách điệu giống khuyên tai Sa Huỳnh. Hẳn trong thời đại sắt sớm, các cư dân cổ trên thế giới đã có môi giao tiếp văn hoá rộng rãi. Đặc biệt bằng đường biển họ đã vươn tới nhiều miền xa xôi ngoài sức tưởng tượng của chúng ta hiện nay. Tài liệu khảo cổ chỉ nói lên một phần nhỏ mối giao tiếp văn hoá này.

Nghệ thuật Sa Huỳnh còn toát lên cho chúng ta những sắc thái tâm lý riêng của cư dân Long Thạnh - Sa Huỳnh. Họ là những cư dân ưa chuộng màu sắc tươi mát của tự nhiên. Màu vàng, trắng, đỏ của đồ gốm, màu xanh nước biển của thủy tinh, màu đen ánh chì của hoa văn gốm.. Tất cả hội tụ lại đã nói lên một cuộc sống nội tâm của người Sa Huỳnh, bộc lộ sự tươi mát, giản dị và yêu tự nhiên.

Cư dân Sa Huỳnh có phong tục mai táng trong vò, chôn trên các cồn cát, cồn đất ven biển, ven sông, gần hoặc ngay trong nơi cư trú. Hiện nay chúng ta chưa có nhiều cứ liệu để xác định đó là tục cải táng, hỏa táng, chôn nguyên hay chôn từng bộ phận tử thi. Chắc chắn một điều là một bộ phận trong đó dùng để mai táng trẻ em nguyên tử thi, tức là chôn lần đầu.

Tục mai táng trong vò của người Sa Huỳnh – chôn đứng, có nắp đậy, là một trong những truyền thống mai táng nổi bật ở Đông Nam Á, đặc biệt là ở hải đảo Đông Nam Á trong thời đại kim khí. Trong giai đoạn hậu kỳ đá mới - sơ kỳ đồng thau và muộn hơn, mộ vò ở Đông Nam Á có phong cách chôn nguyên và cải táng. Đến giai đoạn sắt sớm và muộn hơn, tục hỏa táng lan rộng ở Đông Nam Á từ các trung tâm văn minh Trung Quốc, Ấn Độ và vò gốm được dùng rộng rãi để thực

hiện nghi lễ này. Trong các mộ táng Sa Huỳnh, chúng ta không tìm thấy mộ nào chứa đựng nguyên xương cốt người lớn hoặc xương cốt bị đốt cháy. Việc hỏa táng của các khu mộ Sa Huỳnh trong bối cảnh Đông Nam Á cùng thời có thể bị loại trừ. Tài liệu của các khu mộ vò ở Philippines, Triều Tiên, Indonesia, Ấn Độ, Trung Quốc, Malaysia... thời đại đồng thau - sắt sớm đã nói lên điều này. Dấu sao các vò táng Sa Huỳnh, kể cả chum lớn, cũng khó mà tin được là để dùng cho việc chôn nguyên thi thể người lớn. Việc bố trí đồ tùy táng, đặc biệt là đồ gốm trong mộ cho thấy không có tục chôn nguyên người lớn trong vò. Các bình gốm tùy táng đều được đặt trong vò với tư thế đứng ở đáy phần lớn còn nguyên dạng không bị vỡ nát. Do vậy không có thể chôn người chết ngay trên các bình gốm tùy táng. Việc không có xương người lớn cũng nói lên điều này.

Tuy nhiên trong các khu mộ Sa Huỳnh chúng tôi không hề thấy khu mộ nào chôn nguyên tử thi. Do vậy khả năng cư dân Sa Huỳnh “trả” tử thi về với thần biển có thể hợp lý. Đây là quan niệm và tập tục mai táng của cư dân vùng biển ở nhiều khu vực trên thế giới vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Cuộc sống của họ luôn luôn gắn với biển, phụ thuộc vào biển, vì vậy họ tôn thờ Thần Biển. Đưa người chết về với biển có nghĩa là hoàn thành một vòng luân hồi của tạo hoá: Con người tự nhiên sinh ra và trở về với tự nhiên (biển). Những ngôi mộ vò trên mặt đất là những mái nhà hoặc các ngôi mộ tượng trưng để các linh hồn có chỗ trú ngụ trên quê quán. Vì thế, không phải là hiện tượng ngẫu nhiên mà chúng ta thấy các mộ Sa Huỳnh tập trung theo từng nhóm, nằm thẳng hàng trật tự trên cùng một bình diện địa tầng và đôi chiếc còn có lỗ thủng nhân tạo ở đáy vò như ô cửa để linh hồn vào ra. Còn trẻ thơ thì được chôn nguyên trong vò vì chúng còn non dại cần được sự che chở của người lớn, do vậy chúng thường được chôn ngay trong nơi cư trú. Quan niệm này và tập tục mai táng này vẫn còn thực hành ở nhiều nơi trên thế giới, ví dụ như ở Philippines.

Trong văn hoá Ngưỡng Thiều (Trung Quốc), mộ vò được xem như mộ chôn người chết không lành, tức là mộ của những người chết trôi, chết cháy, chết ngã, chết chém... Do quan niệm người chết không lành thì linh hồn họ cũng ác nên mộ vò được chôn riêng cách xa khu mộ của thị tộc để khỏi làm hại linh hồn người cùng dòng họ. Táng tục mộ vò hẳn có quan hệ với cư dân Nam Đảo. Địa bàn phân bố mộ vò ở Đông Nam Á cũng nằm trong khu vực cư trú của người Nam Đảo khu vực này.

Hiện nay, chúng ta vẫn chưa có tư liệu khảo cổ học để chứng minh mối quan hệ tiếp nối giữa người Sa Huỳnh và cư dân Chăm Pa. Tuy vậy, bằng sự liên tục không đứt quãng về thời gian, sự trùng hợp về không gian phân bố, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng chính người Sa Huỳnh, từ khi tiếp xúc, du nhập văn hóa Ấn Độ, đã xây dựng nên vương quốc cổ Chăm Pa.